

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quế Phụng

2. Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 268/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thúy H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Q, tổ H, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Bị đơn: Ông Tạ Thành T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: K, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Lương Thị Thúy H và ông Tạ Thành T chung sống và kết hôn từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 24/10/2011.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc

lẫn nhau. Bà H và ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Bà H và ông T đã chấm dứt cuộc sống chung hơn từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tạ Thành T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lương Thị Thúy H và ông Tạ Thành T sinh được 01 con chung là Tạ Mẫn Q, sinh ngày 22/3/2013, Hiện nay cháu Q đang sống cùng với ông T. Bà H có nguyện vọng giao con chung cho ông Tạ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (năm triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì ông T vẫn đang sinh sống tại K 18, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh)

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Cháu Tạ Mẫn Q, sinh ngày 22/3/2013, Hiện nay cháu Q đang sống cùng với ông T. Vì thế để ổn định nơi ở và môi trường học tập cho cháu, nên cần tiếp tục giao cháu Q cho ông Trung trực T1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mỗi tháng là phù hợp nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn đang cư trú tại xã L, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

1.2. *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng trong vụ án:* Bị đơn ông Tạ Thành T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tuy nhiên đây là lần thứ hai ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Lương Thị Thúy H và ông Tạ Thành T chung sống và kết hôn từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh). Giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 24/10/2011. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà H xác định không còn tình cảm với ông T nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Xét thấy bà H và ông T đã tự ý ly thân từ năm 2019 cho đến nay, nhưng cả ông T và bà H đều không tìm cách tháo gỡ những mâu thuẫn, không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà bỏ mặc dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà H, ông Trung đoàn T2 nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà H nữa. Riêng bà H vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông T, bà H không đồng ý đoàn tụ với ông T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà H, ông T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà H với ông T.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 01 chung là Tạ Mẫn Q, sinh ngày 22/3/2013. Bà H có nguyện vọng giao con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét theo lời trình bày của bà H và cháu Q thì hiện nay Q đang sống cùng ông T tại xã L, thành phố Hồ Chí Minh, vì thế để ổn định nơi ở và môi trường học tập cho các cháu, nên cần tiếp tục giao cháu Tạ Mẫn Q cho ông Trung trực T1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ

18 tuổi) là có căn cứ. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là phù hợp nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Thúy H. Bà Lương Thị Thúy H được ly hôn với ông Tạ Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung là Tạ Mẫn Q, sinh ngày 22/3/2013 cho ông Tạ Thành T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà Lương Thị Thúy H mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi cháu Tạ Mẫn Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Sau khi ly hôn, bà Lương Thị Thúy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lương Thị Thúy H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm

ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00033849 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy bà H còn phải nộp bổ sung 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 13;
- Phòng THADS KV 13;
- NĐKKH: UBND xã Long Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Hiền